

SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NIỀM TIN TÂM LINH VÀ NGŨ GIỚI VÀO ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CHÙA QUẢNG TẾ VÀ PHẬT TỬ HÀN QUỐC TẠI CHÙA ĐAEHAN JEONGSA

Võ Thanh Hương¹

*Nhóm sinh viên²: Lee Ju Youn, Lee Sun Young, Lee Sul Ki,
Kim Jung Hun, Oh In Yeong, Ko Myung Hui, Jung Ho Jeon*

Tóm tắt

Bài viết của chúng tôi đưa ra những điểm tương đồng và khác biệt về niềm tin tâm linh và những điều răn dạy trong ngũ giới của Phật giáo ảnh hưởng lên tư tưởng và cách sống của Phật tử hai nước Việt Nam và Hàn Quốc tại hai ngôi chùa Quảng Tế (Long Xuyên, An Giang) và chùa Dae Han Jeong Sa (chùa cho Phật tử Hàn Quốc tại TP HCM). Qua những điểm tương đồng và khác biệt trên giữa Phật tử của hai nước tại hai ngôi chùa, chúng tôi cũng đưa ra những nhận định về sự khác biệt văn hóa đã tác động lên cách suy nghĩ, cách sống của Phật tử hai nước trong thời kỳ hiện tại. Bài viết căn cứ trên những số liệu thống kê đáng tin cậy, được thực hiện từ những cuộc phỏng vấn cùng những phiếu khảo sát thực tế của nhóm nghiên cứu đã thu thập, điều tra tại thực địa.

Từ khóa: niềm tin tâm linh, ngũ giới, sự khác biệt văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Tìm hiểu về Phật giáo thông qua niềm tin tâm linh và cách ứng xử của các Phật tử được phản ánh trong đời sống thực tại theo những gì mà giáo lý nhà Phật đã răn dạy họ (ngũ giới) là những ghi nhận mà chúng tôi thu thập được từ những cuộc phỏng vấn trực tiếp các Phật tử tại chùa Quảng Tế, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và chùa Dae Han Jeong Sa. Những cuộc phỏng vấn trực tiếp tại thực địa đã cung cấp cho chúng tôi những cứ liệu xác thực để thống kê, khảo sát và đưa ra một số nhận xét ban đầu về ảnh hưởng của Phật giáo đến

¹ Thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia, TP HCM

² Nhóm sinh viên Khoa Việt Nam học, Đại học KHXH&NV, TP HCM

niềm tin tâm linh và cách ứng xử của những Phật tử người địa phương (Long Xuyên, An Giang) và Phật tử Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh (chùa Đae Han Jeong Sa) như thế nào trong đề tài nghiên cứu lần này. Đây là một đề tài mở và cũng có thể nghiên cứu và khai thác trên nhiều khía cạnh khác nhau về Phật giáo ở Việt Nam trong sự tương đồng và khác biệt với Phật giáo ở Hàn Quốc, cụ thể là ở An Giang, một tỉnh có nhiều dân tộc cùng sống chung trên một địa bàn như người Chăm, người Hoa, người Khmer và người Việt và một ngôi chùa dành cho người Hàn Quốc sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở dẫn luận

Cơ sở dẫn luận của chúng tôi dựa trên những kiến thức chung về Phật giáo, các giáo phái Phật giáo ở Việt Nam và thế giới, Ngũ giới, niềm tin tâm linh của Phật tử để nghiên cứu trong nội dung báo cáo này.

2.1. Khái lược lịch sử Phật giáo Việt Nam

Theo những thông tin mà chúng tôi đã thu thập được, có thể tóm tắt về sự hình thành và phát triển của Phật giáo Việt Nam như sau: Phật giáo được du nhập vào Việt Nam rất sớm, nhất là từ cuối thế kỷ thứ hai đến đầu thế kỷ thứ ba trước Công nguyên qua hai ngã giao thương với các nhà buôn Ấn Độ bằng đường thủy và giao lưu với văn hóa Trung Quốc bằng đường bộ. Do sự du nhập trực tiếp của Phật giáo từ Ấn Độ vào nên từ “Buddha” theo ngôn ngữ cổ Sanskrit đã được phiên âm thành chữ “Bụt” và được truyền khẩu trong dân gian. Phật giáo Việt Nam lúc ấy mang màu sắc Phật giáo Tiểu thừa. Sau này, thế kỷ thứ IV và thứ V, do ảnh hưởng của Phật giáo Đại thừa đến từ Trung Quốc mà từ Bụt bị mất đi và thay thế bằng từ Phật.

Trải qua gần 2.000 năm tồn tại, Phật giáo Việt Nam có lúc thịnh, lúc suy. Khi người Pháp đến cai trị Việt Nam, Phật giáo Việt Nam không còn thuần túy, cao siêu như trước. Nhiệm vụ chính của Phật giáo lúc đó chỉ phục vụ cho việc thờ cúng.

Vào những thập niên đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo trên thế giới, Phật giáo Việt Nam cũng có sự thay đổi. Bắt đầu cho sự thay đổi của Phật giáo giai đoạn này là từ

miền Nam, sau đó là miền Trung. Năm 1964, các hội đoàn Phật giáo miền Nam Việt Nam thống nhất với tên gọi *Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất*. Sau đó, hội này ngưng hoạt động vào năm 1981. Năm 1981, chín tổ chức Phật giáo trong cả nước Việt Nam thống nhất hai miền Nam Bắc và có tên gọi chung là *Giáo hội Phật giáo Việt Nam*.

2.2. Đạo Phật (Phật giáo) là gì?

Phật giáo là đạo từ bi và trí tuệ, Phật giáo đặc biệt quan tâm đến sự thực hành và chứng ngộ. Mục đích của Phật là giúp chúng sinh thoát ra khỏi phiền não khổ đau, để có cuộc sống an vui, tự tại. Đối với Phật giáo, con người có thể giải thoát khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi bằng các nỗ lực tu tập tự thân: làm lành, tránh ác và tự thanh tịnh hóa tâm ý. Con đường tu tập của một người Phật tử theo giáo lý của nhà Phật như sau:

- Chấm dứt làm các việc xấu, việc ác.
- Siêng năng làm các việc lành, việc thiện.
- Nỗ lực thực hành các pháp môn tu tập để cho tâm thức được đạt tới cảnh giới thanh tịnh tịch tĩnh (thuvienhoasen.org).

2.3. Đặc điểm của Phật giáo Việt Nam

Khi Phật giáo được truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã được các vị thiền sư người Việt bản địa hóa. Chính vì vậy, Phật giáo ở Việt Nam mang sắc thái riêng phù hợp với văn hóa dân tộc Việt. Phật giáo Việt Nam có những đặc điểm chính sau đây:

- *Dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng truyền thống*

Phật giáo thờ Phật trong chùa, tín ngưỡng truyền thống Việt Nam thì thờ thần trong miếu, thờ mẫu trong phủ. Các vị thần được thờ nhiều nhất với một nước thiên về nông nghiệp như Việt Nam đó là Tứ pháp: Mây - Mưa - Sấm - Chớp. Đồng thời, bốn vị thần này cũng được “Phật giáo hóa”. Các vị thần này đã được điêu khắc theo tiêu chuẩn của các pho tượng Phật và được đặt tên là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng truyền thống này cũng là sự kết hợp của việc thờ phụng

“tiền Phật, hậu Thần”, hay “tiền Phật, hậu Mẫu”, người Việt đưa các vị Thần, Thánh, Mẫu, thành hoàng, thổ địa, anh hùng dân tộc vào thờ trong chùa. Đa số các chùa còn để cả bìa hậu, bát nhang cho các linh hồn đã khuất.

- Dung hòa giữa các tông phái Phật giáo

Ở Việt Nam, sự kết hợp giữa các tông phái Phật giáo Đại thừa: Thiên tông (đề cao Phật ở tại tâm, tâm là Niết Bàn hay Phật), Tịnh độ tông (chủ trương tu dựa trên tha lực của Phật A Di Đà là thế giới Cực Lạc của một cõi Phật cụ thể), Mật tông (không tồn tại độc lập mà hòa vào dòng tín ngưỡng dân gian của Việt Nam với những truyền thống cầu đồng, pháp thuật, yểm bùa, trị tà ma, chữa bệnh,...). Các điện thờ ở chùa miền Bắc vô cùng phong phú với các loại tượng Phật, Bồ Tát, La Hán và các tông phái khác nhau. Các chùa miền Nam còn có xu hướng dung hợp hai truyền thống truyền thừa, nhiều chùa chỉ thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, sư đắp y vàng (mang hình thức Nam truyền), nhưng lại theo giáo lý Đại thừa, bên cạnh tượng Phật Thích Ca Mâu Ni còn có những pho tượng Phật nhỏ khác, bên cạnh y vàng còn có áo nâu, áo lam.

- Hòa hợp giữa Phật giáo với Khổng, Lão

Sau khi du nhập vào Việt Nam từ rất sớm thì Phật giáo bắc truyền đã tiếp nhận Đạo giáo, rồi cùng tiếp nhận Nho giáo (cả ba tôn giáo truyền vào Việt Nam qua đường Bắc thuộc). Có thể nói, ba tôn giáo trợ giúp lẫn nhau: Nho giáo lo tổ chức xã hội, Đạo giáo lo thể xác con người, Phật giáo lo tâm linh, kiếp sau của con người.

- Phật giáo ảnh hưởng của mẫu hệ

Các vị Phật giáo Ấn Độ xuất hiện với thân là nam nhưng vào Việt Nam thì trở thành “Phật ông - Phật bà”. Người Việt có: Mẹ Quan Âm (Quán Thế Âm Bồ Tát), Quan Âm Thị Kính (tên khác: Quan Âm Tống Tử), Quan Âm Diệu Thiện (Phật Bà Chùa Hương).

2.4. Ngũ giới

Ứng xử đạo đức trong Phật giáo là các giới luật trong đó gồm có năm giới (ngũ giới) đó là: không sát sinh, không trộm cắp, không tà

dâm và quá ham mê khoái lạc, không nói dối, không dùng những chất say làm mê mờ trí tuệ.

2.5. Quy y

Quy y là chấp nhận đi theo sự hướng dẫn của Phật Bảo (Chư Phật), Pháp Bảo (giáo pháp, là Tam Tạng Kinh Điển), Tăng Bảo (là Tăng đoàn, đoàn thể của những người đã rời bỏ gia đình, từ bỏ mọi dục vọng, giữ tâm thanh tịnh, một lòng đi theo Đức Phật).

3. Khảo sát niềm tin tâm linh và ngũ giới của Phật tử chùa Quảng Tế (Long Xuyên, An Giang) và Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa (Thành phố Hồ Chí Minh)

3.1. Vài nét về quá trình hình thành và phát triển tỉnh An Giang

An Giang là một tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long, An Giang có hai thành phố trực thuộc tỉnh là Long Xuyên và Châu Đốc và có hai con sông là sông Tiền và sông Hậu chảy song song từ Tây Bắc xuống Đông Nam trong địa phận của tỉnh. An Giang phía đông giáp tỉnh Đồng Tháp, phía bắc và tây bắc giáp hai tỉnh Kandal và Takéo của Campuchia với đường biên giới dài gần 104km, phía tây nam giáp tỉnh Kiên Giang, phía nam giáp thành phố Cần Thơ.

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, dân số An Giang tính đến năm 2016, toàn tỉnh có khoảng 2.159.900 người. Đây là tỉnh có dân số đông nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời cũng là tỉnh có dân số đứng hạng thứ 6 Việt Nam. Ở An Giang có ba dân tộc thiểu số chính sinh sống, chiếm 5,17% tổng dân số toàn tỉnh An Giang, gồm người Khmer (75,54%), người Hoa (12,50%), người Chăm (12%), hầu hết đồng bào dân tộc Khmer theo Phật giáo Nam Tông, đồng bào Chăm theo đạo Hồi, người Hoa thì phần lớn theo Phật giáo Bắc Tông, đạo Khổng và tín ngưỡng dân gian. An Giang được xem là một tỉnh có tiềm năng du lịch.

Về tôn giáo, An Giang là nơi xuất phát của một số tôn giáo nội sinh như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo,... An Giang hiện có 9 tôn giáo được nhà nước công nhận, gồm: Phật giáo

Việt Nam, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành, Tịnh Độ Cư Sĩ, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hồi giáo, Bửu Sơn Kỳ Hương, với gần 1,8 triệu tín đồ (chiếm 78% dân số toàn tỉnh), 487 cơ sở thờ tự hợp pháp, 602 chức sắc và trên 3.400 chức việc.

Thành phố Long Xuyên là một thành phố thuộc tỉnh An Giang cách Thành phố Hồ Chí Minh 189km về phía tây nam, cách biên giới Campuchia 45km đường chim bay. Long Xuyên là thành phố trực thuộc tỉnh và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh An Giang. Thành phố Long Xuyên nằm bên bờ sông Hậu. Chùa Quảng Tế là một ngôi chùa được hình thành trên một trăm năm và nằm trong nội thành của thành phố Long Xuyên.

3.2. Ngũ giới

Theo lời dạy của đạo Phật, có 250 giới hạn mà người đi tu không được làm. Trong những điều cấm đó, quan trọng nhất là 5 điều cấm sau:

- Không sát sinh.
- Không trộm cắp.
- Không tà dâm.
- Không nói dối.
- Không uống rượu và các chất say làm mê mờ trí tuệ.

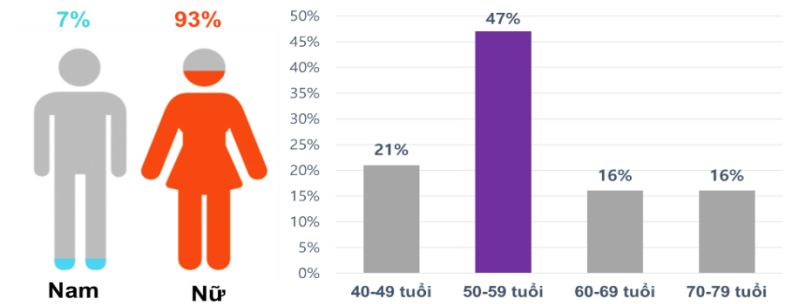
Năm điều cấm này được gọi là ngũ giới, Phật tử hay những người đi tu trong Phật giáo, phải giữ gìn và tuân theo.

3.3. Khảo sát niềm tin tâm linh và Ngũ giới

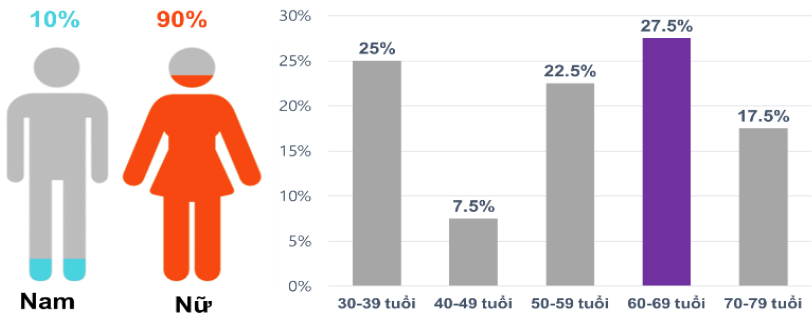
Việt Nam và Hàn Quốc có lịch sử Phật giáo gần giống nhau về khoảng thời gian du nhập và tồn tại. Số lượng Phật tử của hai nước đều chiếm hơn 80% dân số đất nước so với các tôn giáo khác. Hơn nữa, hai nước cũng có cùng nền văn hóa phương Đông. Khác với các quốc gia ở vùng Đông Nam Á, Phật giáo ở Việt Nam là Phật giáo Đại thừa (tên gọi khác là giáo phái Bắc Tông), Phật giáo của Hàn Quốc cũng theo giáo phái này vì Phật giáo Đại thừa được du nhập vào từ Trung Quốc. Việt Nam và Hàn Quốc là hai nước có biên giới tiếp giáp

với Trung Quốc và chịu ảnh hưởng lớn từ tư tưởng cũng như cách hành đạo của Phật giáo Trung Hoa. Trong báo cáo khoa học này, sau khi chúng tôi khảo sát, phỏng vấn tại chùa Quảng Tế, chúng tôi muốn tìm hiểu về những đặc trưng và nhận thức về giáo lý của Phật giáo của những Phật tử Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh và muốn so sánh với những điều đã phỏng vấn và khảo sát được từ các Phật tử tại chùa Quảng Tế.

Chúng tôi đã đến chùa Đae Han Jeong Sa (chùa của người Hàn Quốc) tại Thành phố Hồ Chí Minh và đã phỏng vấn được 38 Phật tử, cùng với 40 Phật tử chùa Quảng Tế ở thành phố Long Xuyên, An Giang. Tổng cộng số Phật tử được phỏng vấn là 78 Phật tử. Trong đó, chùa Quảng Tế có 36 Phật tử nữ và 4 Phật tử nam. Từ 30~39 tuổi: 10 người (25%), từ 40~49 tuổi: 3 người (7,5%), từ 50~59 tuổi: 9 người (22,5%), từ 60~ 69 tuổi: 11 người (27,5%) và từ 70~79 tuổi: 7 người (17,5%).



Biểu đồ 1. Khảo sát lứa tuổi phỏng vấn tại chùa Quảng Tế [3:34]



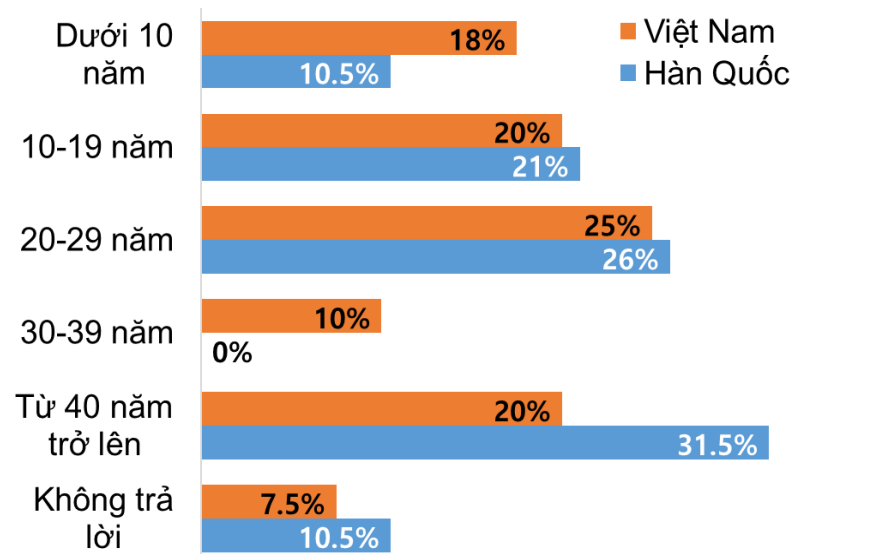
Biểu đồ 2. Khảo sát lứa tuổi phỏng vấn tại chùa Đae Han Jeong Sa [3:35]

Chùa Đae Han Jeong Sa ở Thành phố Hồ Chí Minh có 35 Phật tử nữ và 3 Phật tử nam. Từ 30~39 tuổi: 8 người (21%), từ 50~59 tuổi: 18 người (47%), từ 60~ 69 tuổi: 6 người (16%) và từ 70~79 tuổi: 6 người (16%). Chùa Đae Han Jeong Sa ở địa chỉ số 540/23 Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3. Chùa này đã thuê một phần đất trong chùa Hưng Phước để làm chùa riêng cho Phật tử Hàn Quốc nên ở đây có một bên là chùa Việt Nam và một bên là chùa cho Phật tử Hàn Quốc. Chùa được nhà nước Việt Nam công nhận thành lập cho Phật tử Hàn Quốc tại Việt Nam.

3.4. Phân tích việc khảo sát về niềm tin tâm linh vào Phật giáo của Phật tử hai ngôi chùa

- Câu hỏi 1: Anh/chị có niềm tin vào Phật giáo và theo Phật giáo từ bao giờ?

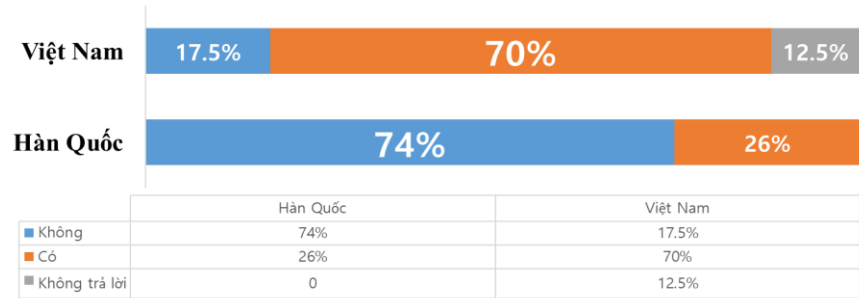
Phật tử chùa Quảng Tế và Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa cho thấy kết quả gần giống nhau. Trong chùa Quảng Tế, Phật tử theo Phật giáo hơn 10 năm là: 33 Phật tử (chiếm 82,5% số Phật tử được khảo sát). Còn trong chùa Đae Han Jeong Sa, Phật tử theo Phật giáo hơn 10 năm là: 30 Phật tử (chiếm 89% số Phật tử được khảo sát).



Biểu đồ 3. Niềm tin vào Phật giáo và theo Phật giáo [3:35]

Như vậy, số Phật tử theo Phật giáo từ 10 năm trở lên đã chiếm đa số. Điều này cho thấy Việt Nam và Hàn Quốc đều chịu ảnh hưởng của Phật giáo từ lâu đời nên họ có niềm tin và tự nguyện đi theo trong một thời gian lâu dài.

- *Câu hỏi 2: Việc anh/chị tin và theo Phật giáo chịu ảnh hưởng từ gia đình hay từ người thân, bạn bè?*

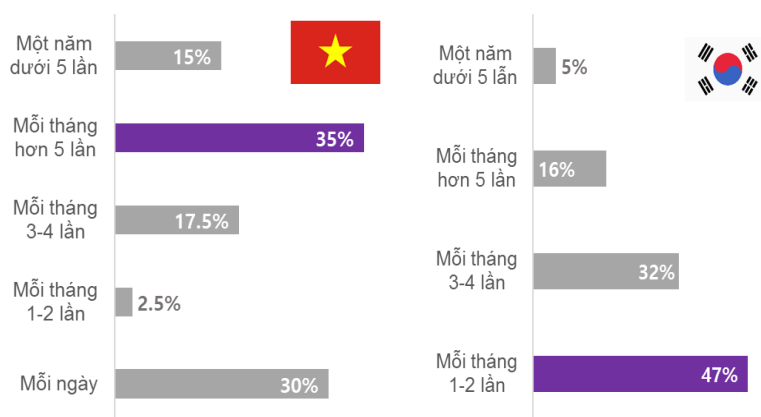


Biểu đồ 4. Sự ảnh hưởng khi đến với Phật giáo [3:36]

Kết quả này có sự khác biệt rõ ràng giữa Phật tử chùa Quảng Tế và Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa. Chùa Quảng Tế chịu ảnh hưởng từ gia đình hay bạn bè là: 28 Phật tử (70%). Còn chùa Đae Han Jeong Sa thì người ta chịu ảnh hưởng từ người khác là: 10 Phật tử (26%). Phần lớn Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa trả lời như vậy là vì: Hiện giờ đa số Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa đều đã lớn tuổi và đều tin vào Phật giáo từ khi còn trẻ, nên họ hoàn toàn tin và theo Phật giáo một cách tự nhiên, phù hợp với hoàn cảnh xã hội thời bấy giờ.

- *Câu hỏi 3: Anh/chị có đi chùa thường xuyên không?*

Sự khác biệt giữa Phật tử chùa Quảng Tế và Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa như sau: chùa Quảng Tế người đi chùa mỗi ngày hoặc hơn 5 lần 1 tháng là 26 Phật tử (65%). Còn ở chùa Đae Han Jeong Sa người đi chùa dưới 4 lần 1 tháng là 30 Phật tử (79%). Lý do là chùa Quảng Tế nằm trong trung tâm thành phố nên rất thuận lợi cho các Phật tử đến chùa và có tổ chức tụng kinh hàng ngày cho Phật tử. Thêm nữa, chùa Đae Han Jeong Sa xa nơi cư trú của Phật tử và chùa tổ chức tụng kinh chỉ 1 lần 1 tuần.



Biểu đồ 5. Mức độ và số lần đi chùa của Phật tử [3:37]

Câu hỏi 4: Anh/chị thường tới chùa vào khoảng thời gian nào trong ngày?

Chùa Quảng Tế, buổi sáng: có 4 Phật tử (10%), buổi tối số Phật tử đến đông nhất: 32 Phật tử (80%) vì đây là thời gian dành cho Phật tử tụng kinh, thời gian rảnh: có 4 Phật tử (10%). Chùa Đae Han Jeong Sa, buổi sáng: có 38 Phật tử (100%) vì thời gian dành cho Phật tử tụng kinh chỉ vào buổi sáng.

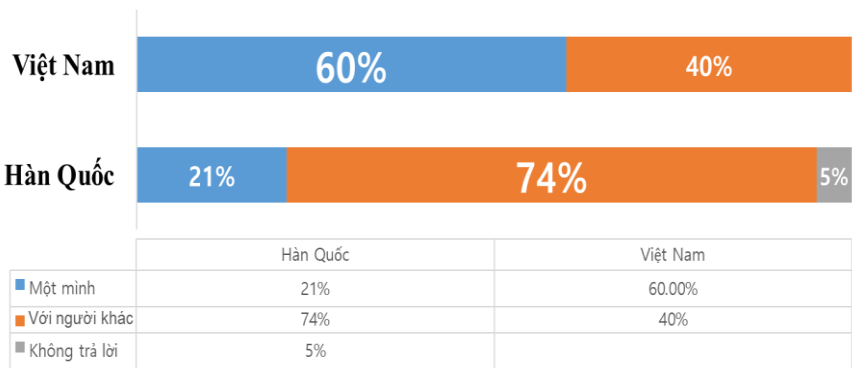
	Việt Nam	Hàn Quốc
Buổi sáng	4 người (10%)	38 người (100%)
Buổi tối	32 người (80%)	
Khi rảnh	4 người (10%)	
Tổng	40 người (100%)	38 người (100%)

Biểu đồ 6. Thời gian đến chùa [3:37]

Câu hỏi 5: Khi đi chùa anh/chị thường đi một mình hay đi với người khác?

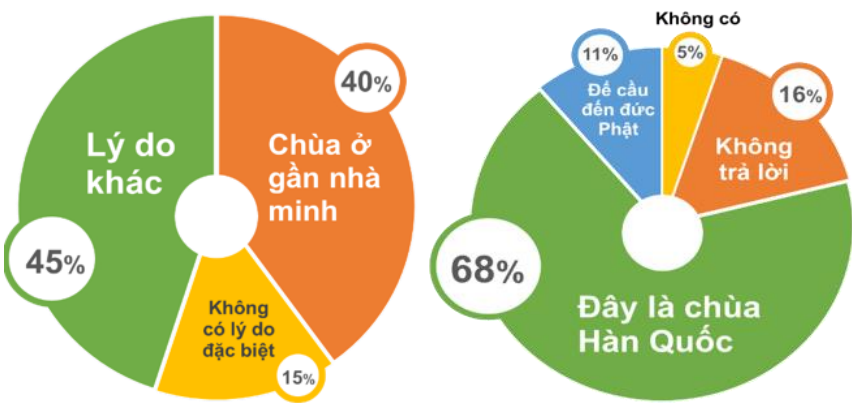
Chùa Quảng Tế, người đi chùa một mình: 24 Phật tử (60%), người đi chùa với người khác: 16 Phật tử (40%). Chùa Đae Han

Jeong, đi chùa một mình: 8 Phật tử (21%), đi chùa với người khác: 28 Phật tử (74%).



Biểu đồ 7. Đi chùa với ai [3:38]

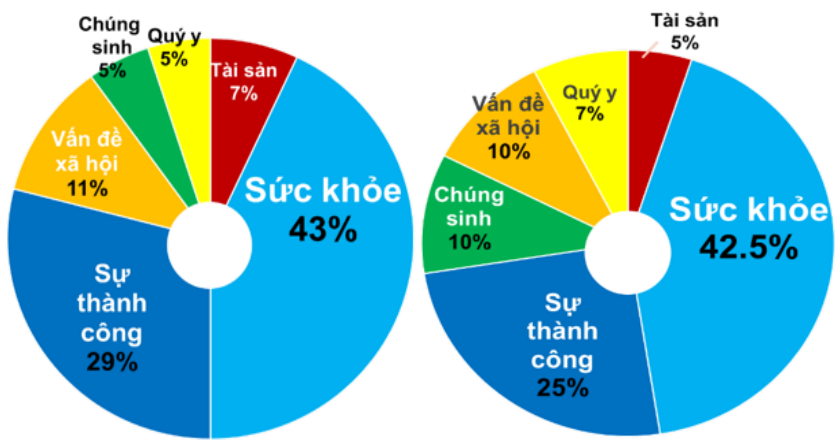
Câu hỏi 6: Lý do đi chùa của anh/chị là gì?



Biểu đồ 8. Lý do đi chùa [3:38]

Chùa Quảng Tế, lý do chùa gần nhà: 16 Phật tử (40%), không có lý do đặc biệt: 6 Phật tử (15%), các lý do khác như học giáo lý Phật giáo, thích bài tụng kinh của Sư trụ trì: 18 Phật tử (45%). Chùa Dae Han Jeong Sa, không có lý do đặc biệt: 2 Phật tử (5%), cầu khẩn đức Phật: 4 người (11%), chùa cho Phật tử Hàn Quốc: 26 Phật tử (68%).

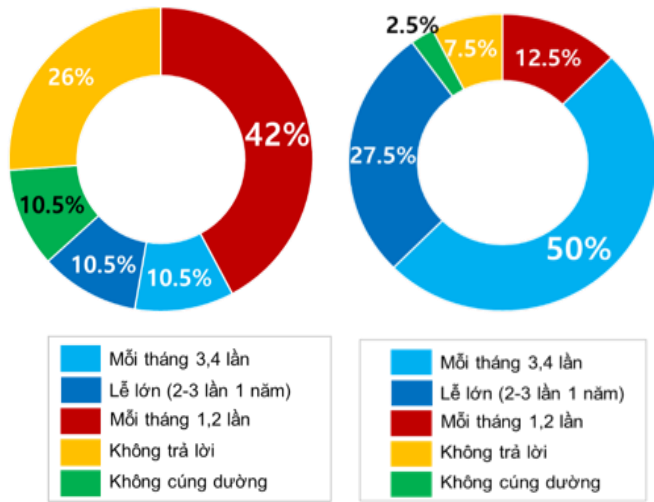
Câu hỏi 7: Anh/chị thường đến chùa cầu nguyện và mong muốn điều gì?



Biểu đồ 9. Điều mong muốn khi đến chùa [3:39]

Chùa Quảng Tế, về sức khỏe: 17 Phật tử (42,5%), sự thành công: 10 Phật tử (25%). Chùa Đại Hàn Jeong Sa, về sức khỏe: 15 Phật tử (43%), sự thành công: 11 Phật tử (29%).

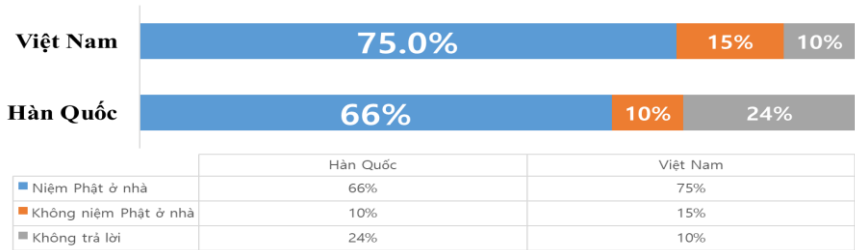
Câu hỏi 8: Anh/chị thường cúng dường bao lâu một lần? Và thường cúng gì?



Biểu đồ 10. Việc cúng dường cho chùa [3:40]

Hầu hết đồ cúng của Phật tử chủ yếu là tiền bạc, Phật tử chùa Quảng Tế có nhiều người cúng cho chùa những dụng cụ cần thiết như: vải vóc, thực phẩm, đồ ăn và đồ vật có giá trị,... Còn Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa thường cúng những thứ không có giá trị lớn.

- Câu hỏi 9: Anh/chị có thường tụng kinh ở nhà không?

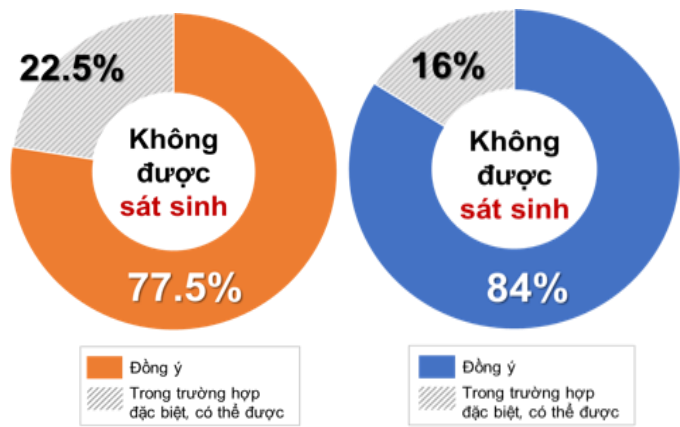


Biểu đồ 11. Việc tụng kinh ở nhà [3:41]

Chùa Quảng Tế có 30 Phật tử (75%), chùa Đae Han Jeong Sa có 8 Phật tử (66%).

3.5. Phân tích khảo sát về 5 điều cấm

a) Không sát sinh

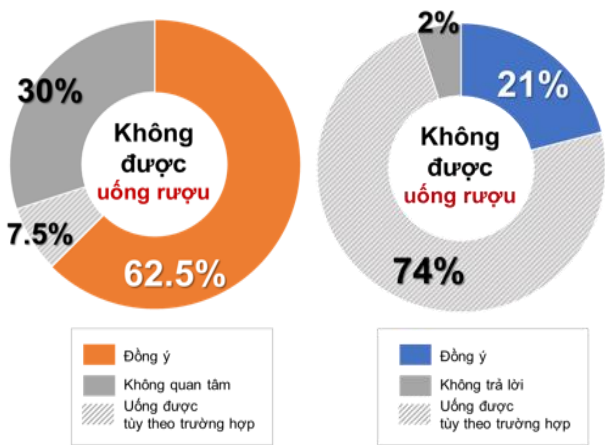


Biểu đồ 12. Không sát sinh [3:41]

Chùa Quảng Tế: 31 Phật tử (77,5%) đồng ý với điều này, chùa Đae Han Jeong Sa: 32 Phật tử (84%) đồng ý (84%), trường hợp đặc

biệt có thể sát sinh được (nghề nghiệp hoặc để tồn tại): chùa Quảng Tế có 9 Phật tử (22,5%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 6 Phật tử (16%).

b) Không uống rượu

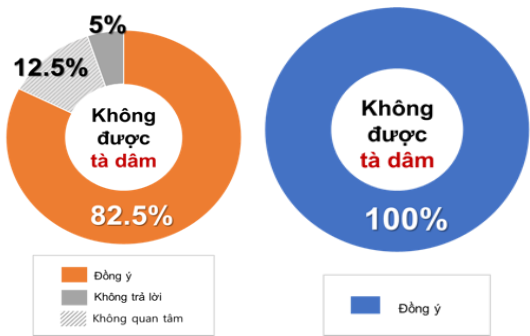


Biểu đồ 13. Không uống rượu [3:42]

Chùa Quảng Tế: 25 Phật tử (62,5%) và chùa Đae Han Jeong Sa: 8 Phật tử (21%) đồng ý về việc điều này. Chùa Đae Han Jeong Sa có 28 Phật tử (74%) không hoàn toàn đồng ý.

c) Không tà dâm

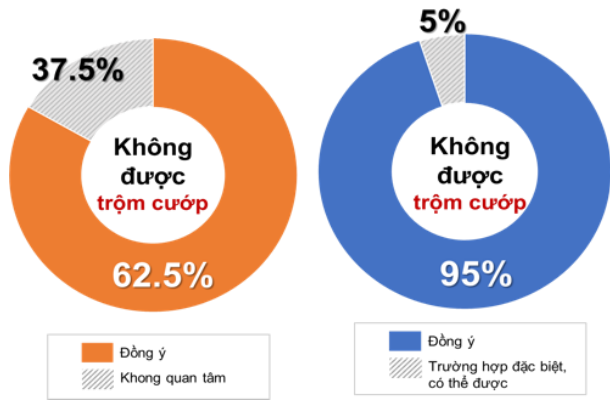
Chùa Quảng Tế có 33 Phật tử (82,5%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 38 Phật tử (100%) đã đồng ý về điều này.



Biểu đồ 14. Không tà dâm [3:42]

d) Không trộm cướp

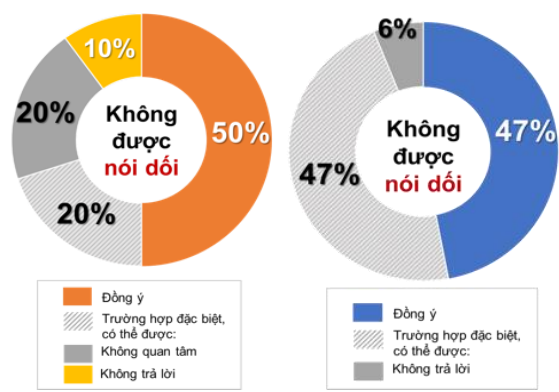
Chùa Quảng Tế có 25 Phật tử (62,5%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 36 Phật tử (95%) đồng ý về điều này. Chùa Quảng Tế có 15 Phật tử (37,5%) không quan tâm về điều này. Chùa Đae Han Jeong Sa có 2 Phật tử (5%) trả lời là trong trường hợp đặc biệt như bị lệ thuộc vào vấn đề sinh sống, để tồn tại, có thể trộm cướp được.



Biểu đồ 15. Không trộm cướp [3:43]

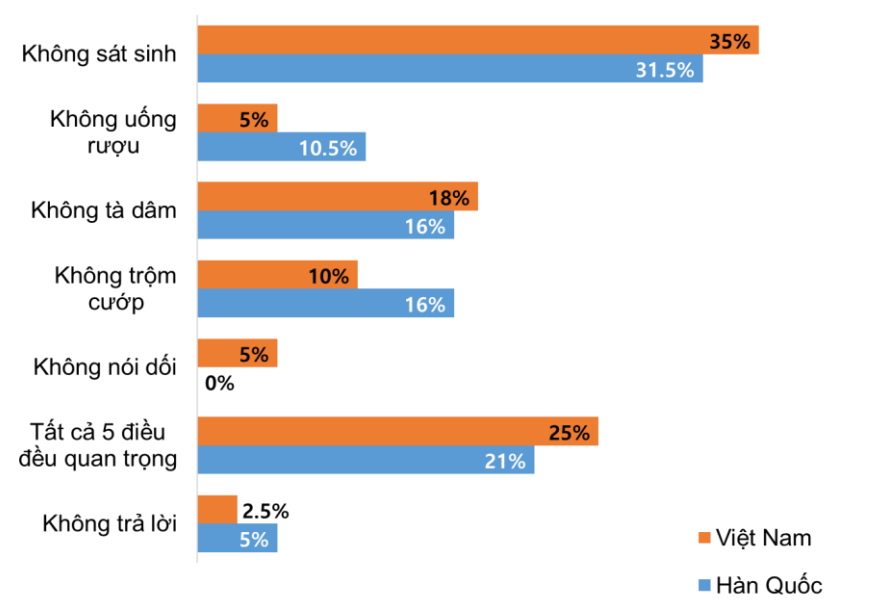
e) Không nói dối

Chùa Quảng Tế có 20 Phật tử (50%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 18 Phật tử (62,5%) đồng ý về điều này. Trường hợp đặc biệt, chùa Quảng Tế có 8 Phật tử (20%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 18 Phật tử (47%) đồng ý có thể nói dối.



Biểu đồ 16. Không nói dối [3:44]

Tóm lại, theo khảo sát giới không sát sinh được cho là giới quan trọng nhất, tại chùa Quảng Tế có 14 Phật tử (35%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 12 Phật tử (31,5%). Tất cả Ngũ giới đều quan trọng tại chùa Quảng Tế có 10 Phật tử (25%) và chùa Đae Han Jeong Sa có 8 Phật tử (21%) đồng ý về điều này.



Biểu đồ 17. Về điều quan trọng nhất trong Ngũ giới [3:35]

3.6. So sánh về điểm tương đồng và khác biệt giữa Phật tử chùa Quảng Tế và Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa

Câu hỏi	Điểm tương đồng		Điểm khác biệt	
	Phật tử chùa Quảng Tế	Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa	Phật tử chùa Quảng Tế	Phật tử chùa Đae Han Jeong Sa
1. Niềm tin vào Phật giáo và thời gian theo Phật giáo				
- Từ 10-19 năm	20%	21%		
- Từ 20-29 năm	25%	26%		

2. Thường đến chùa cầu nguyện và mong muốn về:				
- Sức khỏe	42,5%	43%		
- Thành công	25%	29%		
3. Không sát sinh	35%	28%		
4. Không tà dâm	17,5%	16%		
5. Tất cả 5 điều cấm đều quan trọng	25%	21%		
6. Tụng kinh ở nhà	25%	21%		
7 Không uống rượu			62,5%	21%

4. Kết luận

Bài nghiên cứu của chúng tôi quan tâm đến Phật giáo từ góc nhìn tâm linh và Ngũ giới ảnh hưởng lên cách suy nghĩ và cách ứng xử của các Phật tử Việt Nam và Hàn Quốc, tại hai ngôi chùa ở Long Xuyên, An Giang (chùa Quảng Tế) và ở Thành phố Hồ Chí Minh (chùa Đae Han Jeong Sa). Những ghi nhận mà chúng tôi đã khảo sát được tại thực địa, đã giúp cho chúng tôi thấy được những điểm tương đồng và khác biệt có ảnh hưởng từ nền văn hóa của hai nước một cách rõ rệt giữa Phật tử của hai ngôi chùa nói riêng và của hai nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Mãn Giác (2003), *Kinh Pháp Bảo Đàn (bản Đôn Hoàng)*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
2. Võ Thanh Hương (hướng dẫn), nhóm sinh viên thực hiện: Lee Ju Youn, Lee Sun Young, Lee Sul Ki, Kim Jung Hun, Oh In Yeong, Ko Myung Hui, Jung Ho Jeon (2018), *Bước đầu tìm hiểu về chùa Quảng Tế và Phật giáo Việt Nam tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang*, Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV TP HCM.
3. Nguyễn Lang (1979), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn học.

4. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam: Từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế*, NXB Thuận Hóa, Huế.
5. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP HCM.
6. Cao Huy Thuần (2003), *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857 – 1914)*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

(Bài đã đăng trong Kỷ yếu *Giảng dạy Nghiên cứu Việt Nam học và tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2018)